

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-04-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị P, sinh năm: 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn Q, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang sinh sống và làm việc tại H. (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P và anh Đoàn Văn Q kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ở UBND xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (ở quê của chị P), hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn thì vợ chồng vào Bình Dương sinh sống và làm việc. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn tới tình cảm phai nhạt, anh Q thiếu trách nhiệm với gia đình. Năm 2021 thì vợ chồng ly thân, chị

P đưa con về nhà ngoại sinh sống còn anh Q thì vẫn làm việc tại Bình Dương. Đến năm 2022, khi anh Q đi xuất khẩu lao động thì chị P đưa con về nhà anh Q tại xã V sinh sống nhằm mục đích hàn gắn tình cảm tuy nhiên không những không thể hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đoàn Văn Q.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Đoàn Thư N, sinh ngày: 30/03/2018. Từ trước tới nay, con chung đều do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị P có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đinh Thị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, hiện nay chị P đang lao động tự do, không chủ động thời gian làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Đoàn Văn Q thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của anh Q là “Minh Quan” (do bà Phạm Thị H1 là mẹ đẻ của anh Đoàn Văn Q cung cấp thông tin) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Đoàn Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q cũng thống nhất với nội dung khởi kiện của chị Đinh Thị P. Theo anh Q, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn tới tình cảm phai nhạt. Đến năm 2022, khi anh Q đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Anh Q cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đinh Thị P yêu cầu ly hôn thì anh Q cũng đồng ý.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Đoàn Thư N, sinh ngày: 30/03/2018. Khi ly hôn anh Q đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đoàn Văn Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Đoàn Văn Q không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ tại H nên có ý kiến xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Phạm Thị H1 thay anh thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án.

Quá trình làm việc với Tòa án, bà Phạm Thị H1 đã có đơn trình bày với nội dung chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng của anh Đoàn

Văn Q, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để anh Q được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b tiêu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị P. Xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn với anh Đoàn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Thư N, sinh ngày: 30/03/2018 cho chị Đinh Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Hai bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Đinh Thị P và anh Đoàn Văn Q đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Nay chị Đinh Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn Q. Tại Công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 4686/QLXNC-P3 ngày 07/3/2024 của Cục Q1 - Bộ C, xác nhận: anh Đoàn Văn Q, sinh ngày: 14/4/1992; số hộ chiếu: C9788270; hộ khẩu thường trú: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 20/4/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Đinh Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Văn Q hiện đang sinh sống, lao động tự do tại H, không cung cấp địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh Q yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị P, anh Q theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị P và anh Đoàn Văn Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn thì vợ chồng vào Bình Dương sinh sống và làm việc. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn tới tình cảm phai nhạt, anh Q thiếu trách nhiệm với gia đình. Năm 2021 thì vợ chồng ly thân, chị P đưa con về nhà ngoại sinh sống còn anh Q thì vẫn làm việc tại Bình Dương. Đến năm 2022, khi anh Q đi xuất khẩu lao động thì chị P đưa con về nhà anh Q tại xã V sinh sống nhằm mục đích hàn gắn tình cảm tuy nhiên không những không thể hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị P đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đoàn Văn Q. Anh Đoàn Văn Q xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc chị P xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh Q là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị P yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P, cho chị P và anh Q ly hôn.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là cháu Đoàn Thư N, sinh ngày: 30/03/2018. Cả chị P và anh Q đều thống nhất giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Xét thấy việc thỏa thuận của hai vợ chồng là tự nguyện nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung là cháu Đoàn Thư N, sinh ngày: 30/03/2018 cho chị Đinh Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận, ý kiến của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị P, anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị P. Cho chị Đinh Thị P và anh Đoàn Văn Q ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Thư N, sinh ngày: 30/03/2018 cho chị Đinh Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Anh Đoàn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000794 ngày 26/02/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Hòa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Tùng